

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2022/HS-PT

Ngày: 22 /02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Tân

*Các Thẩm phán:*

Ông Huỳnh Thị Kiều Duyên

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Hồng Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 183/2021/HSPT ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo N. V. B. B, do có kháng cáo của bị cáo N. V. B. B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2021/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị cáo có kháng cáo:*

N. V. B. B, sinh năm 1953, tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N. V. K (chết) và bà N. T. L có vợ N. T. D và 03 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** ông N. Q. D là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long, bào chữa chỉ định cho bị cáo N. V. B. B, có mặt.

Địa chỉ: Số 162A/10 đường Nguyễn Huệ, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị hại:** N. T. M, sinh năm 1975 – có mặt.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Những người tham gia tố tụng khác:* Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N. V. B. B, N. V. P và N. T. M là anh em cùng mẹ khác cha, nhưng có mâu thuẫn với nhau về tranh chấp đất đai.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/12/2020, bị cáo N. V. B. B đi bộ đến nhà của N. V. P, để nói chuyện việc ông P cự cãi với bà L. T. D là chị dâu của bị cáo và ông P, thì xảy ra cự cãi với ông P, được một lúc bị cáo B. B đi qua nhà của bà D cách đó khoảng 30m. Bà M nghe được sự việc thì đi qua nhà ông P, khi gặp bị cáo B. B thì bà M đã xảy ra cự cãi với bị cáo B. B. Bà M nhặt lấy đoạn gỗ ném về phía bị cáo nhưng không trúng bị cáo, mà trúng vào chân của chị N. T. H. V là con của bà D. Bà M bỏ đi ra đường đál cách nhà bà D khoảng 40m, bị cáo đi theo và tiếp tục xảy ra cự cãi. Bà M lượm cục gạch ống chọi về phía bị cáo 02, 03 cái nhưng không trúng, bị cáo cũng lượm gạch ống có kích thước 18cm x 8cm x 4,5cm, cân nặng 790 gram, ném lại bà M 02-03 lần, trúng vào người bà M gây thương tích. Sự việc được mọi người can ngăn. Bà M tự đến bệnh viện điều trị thương tích, đến ngày 15/12/2020 thì xuất viện.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 87/2021/TgT ngày 24/5/2021 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Vĩnh Long, đã kết luận đối với N. T. M, như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương phần mềm vùng vai trái do vật tày gây nên được điều trị, hiện tại bầm vai trái kích thước 3x0,5 cm, không di chứng. Tỷ lệ: 01%.

- Chấn thương ngón V tay trái do vật tày gây nên, được điều trị hồi phục không còn dấu vết tổn thương. Tỷ lệ: 00%.

- Chấn thương phần mềm vùng đùi phải do vật tày gây nên được điều trị, hiện tại bầm đùi phải kích thước 7x5 cm không để lại di chứng. Tỷ lệ: 02 %.

Chấn thương phần mềm vùng gối phải do vật tày gây nên được điều trị, hiện tại không còn dấu vết tổn thương. Tỷ lệ: 00%.

2. Theo thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Về trách nhiệm dân sự: bà N. T. M yêu cầu bị cáo N. V. B. B bồi thường chi phí điều trị thương tích, tái khám, thuê xe, ngày công lao động và tiền sinh hoạt ăn uống, tổng số tiền là 13.649.314đ. Bị cáo B. B thống nhất bồi thường theo yêu cầu và đã bồi thường được 2.000.000đ.

Đối với hành vi của N. T. M dùng cây gỗ ném trúng chị V và dùng gạch ném bị cáo N. V. B. B không gây hậu quả, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2021/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo N. V. B. B phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, h, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt:* bị cáo N. V. B. B: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584; 585; 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại các khoản điều trị thương tích, tái khám, thuê xe, ngày công lao động và tiền sinh hoạt ăn uống, tổng số tiền là 11.649.000đ (mười một triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2021, bị cáo N. V. B. B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại trình bày như sau:*

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo và đồng thời bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại, bị cáo đã dùng cục gạch ống làm vũ khí nguy hiểm chọi vào người bị hại và gây thương tích thể hiện xem thường pháp luật, xem thường sức khỏe của người bị hại, gây mất trật tự ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự phạm tội cố ý trực tiếp, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho bà N. T. M thương tích là 03%. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Cấp sơ thẩm truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Về tội cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị cáo xin giảm mức bồi thường thiệt hại nhận thấy như sau: trong

quá trình điều tra bị hại yêu cầu bồi thường chi phí điều trị thương tích, tái khám, ngày công lao động và tiền sinh hoạt ăn uống với tổng số tiền là 13.649.000. Trong quá trình điều tra bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền này và bị cáo cũng bồi thường trước cho bị hại là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không đồng ý bồi thường số tiền trên, bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 4.350.000 đồng.

Xét thấy bản kê thương tật của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền 13.149.314, ngoài ra bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Xét thấy, bị hại nằm viện đến ngày xuất viện và các khoản khác được chấp nhận với tổng số tiền là 11.039.314 đồng. Bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại 2.000.000 đồng nên buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại 9.039.314 đồng. Vì vậy, xét thấy bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo tiền bồi thường thiệt hại là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N. V. B. B được miễn toàn bộ án phí.

Bị cáo trình bày: cấp sơ thẩm xử lý về tội danh và hình phạt, bị cáo chấp nhận nên không có kháng cáo phân trách nhiệm hình sự. Bị cáo chỉ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần bồi thường; bị cáo chỉ đồng ý bồi thường các khoản sau:

- + Tiền ăn 06 ngày x 70.000 đồng = 420.000 đồng.
- + Tiền xe lúc nhập viện = 700.000 đồng;
- + Tiền xe lúc ra viện = 700.000 đồng;
- + Tiền xe tái khám 2 chuyến x 200.000 đ = 400.000 đồng;
- + Chi phí người nuôi bị hại 6 ngày x 100.000 đồng = 600.000 đồng;
- + Chi phí điều trị bị cáo đồng ý, nhưng trừ ra phần chụp MRI

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* bị cáo kháng cáo xin giảm phần bồi thường thiệt hại là có căn cứ, bởi lẽ: có 1 số yêu cầu của bị hại không có chứng từ; việc chụp MRI là không cần thiết bởi lẽ: bị cáo người cao tuổi, cục gạch không to, khoảng cách giữa bị cáo với bị hại xa và ném trúng vào phần mềm; do đó, đề nghị loại ra các khoản này, để không buộc bị cáo phải bồi thường.

Bà N. T. M trình bày: việc tính ngày nhập viện điều trị do người nhà ghi không chính xác, tính thực tế theo ngày tháng do bệnh viện ghi; các khoản khác yêu cầu giữ nguyên, không đồng ý giảm.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chỉ chấp nhận các khoản hợp lý của bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N. V. B. B khai nhận: vào khoảng 10 giờ 30 phút 10/12/2020 bị cáo và bà N. T. M xảy ra cự cãi với nhau, bị cáo dùng gạch ống ném trúng vào cơ thể bà M gây thương tích với tỷ lệ là 03%. Do đó, việc cấp sơ thẩm quy kết bị cáo N. V. B. B phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích”, theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Về trách nhiệm hình sự không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Sau khi xem xét yêu cầu của bị cáo, của bị hại, đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý và của Kiểm sát viên, chỉ chấp nhận các khoản sau để buộc bị cáo bồi thường cho bị hại, cụ thể như sau:

1. Chi phí ăn uống: 06 ngày x 100.000 đ = 600.000 đồng.
2. Tiền xe lúc nhập viện: 01 chuyến x 700.000đ = 700.000 đồng.
3. Tiền xe từ bệnh viện về: 01 chuyến x 700.000đ = 700.000 đồng.
4. Tiền xe đi tái khám: 02 chuyến x 200.000đ = 400.000 đồng.
5. Chi phí người nuôi bị hại: 06 ngày x 200.000đ = 1.200.000 đồng.
6. Chi phí điều trị bệnh: đợt đầu là 4.651.800 đồng.
7. Tiền chi phí tái khám: 02 lần là 2.787.500 đồng.

Tổng cộng là: 11.039.300 đồng (mười một triệu không trăm ba mươi chín ngàn ba trăm đồng).

Trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi, nên cũng phải chịu trách nhiệm 1/3 trên tổng thiệt hại; như vậy bị cáo phải bồi thường như sau: 11.039.500 đồng X 2/3 = 7.359.500 đồng, nhưng được trừ số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã đưa trước, còn lại số tiền 5.359.500 đồng phải bồi thường tiếp cho bị hại.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm mức bồi thường của bị cáo.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo là có cơ sở, nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: do bị cáo là người cao tuổi đã có làm đơn xin miễn án phí, nên bị cáo được miễn toàn bộ án phí

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận kháng cáo của bị cáo N. V. B. B và sửa phần bồi thường thiệt hại của Bản án hình sự sơ thẩm số: 65/2021/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, khoản 4 Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại N. T. M các khoản như sau:

1. Chi phí ăn uống: 06 ngày x 100.000 đ = 600.000 đồng.
2. Tiền xe lúc nhập viện: 01 chuyến x 700.000 đ = 700.000 đồng.
3. Tiền xe từ bệnh viện về: 01 chuyến x 700.000 đ = 700.000 đồng.
4. Tiền xe đi tái khám: 02 chuyến x 200.000 đ = 400.000 đồng.
5. Chi phí người nuôi bị hại: 06 ngày x 200.000 đ = 1.200.000 đồng.
6. Chi phí điều trị bệnh: đợt đầu là 4.651.800 đồng.
7. Tiền chi phí tái khám: 02 lần là 2.787.500 đồng.

Tổng cộng là: 11.039.300 đồng (mười một triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng ba trăm đồng).

Do bị hại cũng có một phần lỗi, nên bị cáo chỉ còn bồi thường như sau: 11.039.300 đồng X 2/3 = 7.359.500 đồng, nhưng được trừ số tiền 2.000.000 đồng bị hại đã nhận trước, còn lại số tiền 5.359.500 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng) bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HVL: 02;
- CQTHADS HVL : 01;
- CQTHAHS HVL: 01;
- B/C, BH: 02;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01;
- UBND xã T: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

**Lê Thành Tân**

